TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 15 - 12 - 2023
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 566/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm V – sinh năm: 1993 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh An Giang.
- Bị đơn: Anh Phạm Văn T – sinh năm: 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2023 và tại phiên họp ngày 01 tháng 11 năm 2023 chị Lê Thị Cẩm V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T chung sống với nhau từ 2014 trên tinh thần tự nguyện, nhưng chị và anh T không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng về quan niệm sống, cải vã với nhau nhiều. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải, hai bên gia đình cũng can thiệp nhưng vợ chồng không thể hàn gắn và duy trì được mối quan hệ vợ chồng. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Từ đó chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn như lúc trước, vợ chồng chung sống không

còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh, chị có 01 người con chung tên là Phạm Văn K, sinh ngày 20 tháng 07 năm 2014. Hiện tại cháu đang sống với chị V. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị xác định anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị.

Đối với anh Phạm Văn T kể từ khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập để xét xử nhưng anh Phạm Văn T vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Lê Thị Cẩm V và anh Phạm Văn T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn T có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Chị Lê Thị Cẩm V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Phạm Văn T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng văng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm V và anh Phạm Văn T chung sống với nhau từ năm 2014 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Lê Thị Cẩm V và anh Phạm Văn T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên bố không công nhận chị Lê Thị Cẩm V và anh Phạm Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm V và anh Phạm Văn T có 01 người con chung tên Phạm Văn K, sinh ngày 20 tháng 07 năm 2014, hiện nay cháu đang sống cùng với chị V. Khi ly hôn chị V có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có quyền thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con muốn sống với ai khi cha, mẹ ly hôn. Trong vụ án này cháu K hiện đang sống với chị V có ý kiến gì về việc cha mẹ sau khi ly hôn cháu K có nguyện vọng muốn sống cùng với chị V. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị Lê Thị Cẩm V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Văn K là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Cẩm V xác định chị và anh Phạm Văn T tự thỏa thỏa thuận về tài sản chung. Về nợ vợ chồng chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Lê Thị Cẩm V và anh Phạm Văn T có phát sinh tranh chấp chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị Lê Thị Cẩm V và anh Phạm Văn T đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

3 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Thị Cẩm V phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm V.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố chị Lê Thị Cẩm V và anh Phạm Văn T không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Văn K, sinh ngày 20/7/2014 cho chị Lê Thị Cẩm V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Lê Thị Cẩm V.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Cẩm V phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009595 ngày 11 tháng 10 năm 2023 tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước. Chị Lê Thị Cẩm V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành ánh dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Ngân